

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Hàm Tử

1.2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: 750-752 đường Võ Văn Kiệt Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39235799

(028) 38384328

Email: c1hamtuq5.tphcm@moet.edu.vn

Website: <https://thhamtu.hcm.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học công lập hạng 2.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Xây dựng Trường Tiểu học Hàm Tử trở thành môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, chất lượng cao; là nơi để gia đình và xã hội đặt trọn niềm tin; học sinh yêu thích trong học tập và rèn luyện; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo và vươn lên với phương châm “Trẻ thích học, thích đi học. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Cảm nhận được trường học hạnh phúc”.

Tầm nhìn:

Thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực. Dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực và kết quả đánh giá theo mức độ các hoạt động giáo dục nhằm phát huy tốt năng lực học sinh. Đáp ứng thời kỳ hội nhập và phát triển.

Trường học thân thiện, sạch đẹp, an toàn. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo.

Mục tiêu:

Năm học 2024-2025 triển khai CTGDPT 2018 lớp 5 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối

với lớp 1, 2, 3, 4, 5; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 4060/KH-SGDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Sở Giáo dục Đào tạo về triển khai trường học hạnh phúc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng hoàn thành chương trình Tiểu học trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng dạy và học; Giữ vững danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cấp thành phố.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học Hàm Tử được thành lập theo Quyết định số 2881/QĐ-UB ngày 25 tháng 10 năm 1978 của Ủy ban nhân dân Quận 5. Trường tọa lạc tại địa chỉ 170 Bến Hàm Tử, Phường 1, Quận 5. Đến ngày 27 tháng 6 năm 2011 trường có quyết định thay đổi địa chỉ thành 750-752 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5 theo Quyết định số 3597/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận 5. Trường được tiếp nhận sử dụng từ năm 1978 và được xây mới, cải tạo các hạng mục vào năm 2009 với diện tích đất 2.120 m².

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thụy Băng Tâm

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Hàm Tử, số 750-752, đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0939033828

Email: tambang8888@gmail.com

*** Các tổ chức đảng, đoàn thể:**

- Chi bộ:

Trường có Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Phường 1 theo Quyết định chuẩn y bí thư Chi bộ Hàm Tử số 119/QĐ-ĐU ngày 26 tháng 02 năm 2024. Chi bộ gồm 11 đảng viên, Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ. Chi bộ hoạt động theo đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, có xây dựng quy chế hoạt động của Chi bộ, Nghị quyết Chi bộ, chấp hành tốt chỉ đạo của Quận ủy, Đảng ủy Phường 1.

Chi bộ lãnh đạo các hoạt động của nhà trường nề nếp, hiệu quả. Các năm liên tiếp Chi bộ luôn đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Công đoàn:

Công đoàn trường hoạt động dưới sự chỉ đạo của Liên đoàn lao động Quận 5 căn cứ trên Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn số 224/QĐ-LĐLĐ ngày 24/3/2023 nhiệm kỳ 2023 - 2028 do Liên đoàn lao động Quận 5 ban hành.

Công đoàn viên: 52/52 - Tỷ lệ 100%.

Mọi hoạt động trong trường đều thể hiện sự dân chủ, công khai minh bạch qua xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm công đoàn trường phối hợp với chính quyền tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức bình bầu thi đua đúng quy định. Tổ chức hoạt động đúng theo Luật Công đoàn và chỉ đạo của cấp trên.

Trong các năm học qua, Công đoàn trường luôn đạt thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị và vận động công đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Chi đoàn:

Chi đoàn luôn thực hiện tốt Nghị quyết năm học; tất cả đoàn viên luôn là lực lượng nòng cốt tích cực trong mọi hoạt động của nhà trường, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của trường. Chi đoàn liên tục đạt “Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nhiều năm.

- Hội Khuyến học:

+ Phối hợp Hội khuyến học Phường 1 xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm và thực hiện báo cáo theo yêu cầu. Tham gia đóng góp quỹ Khuyến học của ngành giáo dục quận.

+ Duy trì phong trào nuôi heo đất giúp bạn nghèo vui tết; trao tặng 92 phần quà tết cho học sinh (mỗi lớp 4 phần, mỗi phần trị giá 250.000đ)

+ Trao 120 suất bảo hiểm tai nạn cho học sinh đang học tại trường, mỗi suất 45.000đ. Trị giá 5.400.000đ.

+ Trao tặng đồng phục cho 48 học sinh có hoàn cảnh khó khăn (trị giá 12.048.000đ) và 200 quyển tập trắng (trị giá 1.600.000đ).

+ Miễn giảm học phí đối với các môn học tự chọn, năng khiếu cho học sinh khó khăn trên địa bàn phường 1.

- Hội Chữ thập đỏ:

Hàng năm Hội Chữ thập đỏ của trường luôn tham gia hiến máu nhân đạo, tham gia đóng góp quỹ theo quy định của Hội chữ thập đỏ Quận (Xã hội nhân đạo, học bổng trẻ em khó khăn của Quận, vận động thu gom tập trắng, áo trắng cho học sinh khó khăn...).

- Hội đồng tuyển sinh:

Mỗi năm nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm các thành viên cán bộ quản lý nhà trường, chủ tịch công đoàn, văn thư, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên khối 1.

Hội đồng tuyển sinh làm việc theo kế hoạch, công khai, minh bạch. Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp, xét duyệt kết quả tuyển sinh đúng tiến độ, kế hoạch đề ra và báo cáo về Hội đồng tuyển sinh PGD-ĐT Quận 5 phê duyệt. Công bố trúng tuyển theo đúng thời gian quy định của mỗi đợt.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh quan tâm và kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục học sinh, luôn gắn bó và thống nhất với kế hoạch hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Năm học 2023-2024 Trường Tiểu học Hàm Tử có 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (biên chế)		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
I	Cán bộ quản lý	1		1							1
1	Hiệu trưởng	1	0	1							1
2	Phó Hiệu trưởng	0									
II	Giáo viên	38			36	2			1	16	13
1	Giáo viên nhiều môn	30			29	1			1	15	10
2	Ngoại ngữ	2			2						
3	Tin học	2			2						1
4	Âm nhạc	2			1	1					1
5	Mỹ thuật	0									
6	GDTC	2			2					1	1
III	Nhân viên	13			1		8	4			
1	Nhân viên văn thư, thủ quỹ	1					1				
2	Nhân viên kế toán	1			1						
3	Nhân viên y tế	1					1				

4	Nhân viên thư viện	1					1				
5	Nhân viên thiết bị	0									
6	Nhân viên công nghệ thông tin	0									
7	Bảo mẫu	5				5					
8	Phục vụ	2					2				
9	Nhân viên Bảo vệ	2					2				

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Cán bộ quản lý	2	1
	Số lượng	2	1
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	34	30
	Số lượng	34	30
	Tỷ lệ	100%	100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Cán bộ quản lý	2	1
	Số lượng	2	1
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	34	30
	Số lượng	34	30
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên (HĐ)	13	13
	Số lượng	13	13
	Tỷ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Diện tích bình quân/học sinh	Đối sánh với yêu cầu (theo TT 13/2020/TT-BGDĐT)
2 120m ² /720 HS = 2,9m ²	Chưa đạt 6m ² /HS (còn thiếu 3,1 m ²)

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính, quản trị

Khối phòng	Tên hạng mục	Số lượng	Đối sánh so yêu cầu
Hành chính quản trị	Phòng Hiệu trưởng	1	54 m ²
	Phòng Phó hiệu trưởng	1	33 m ²
	Văn phòng	1	Đủ
	Phòng bảo vệ	0	thiếu
	Khu vệ sinh CB,GV,NV	5	Đủ
	Khu để xe GV	1	125 m ²
Khối phòng học tập	Phòng học tập	27	54 m ² /HS – vượt yêu cầu
	Âm nhạc	1	54 m ² /HS – vượt yêu cầu
	Mỹ thuật	0	thiếu
	Phòng học môn Khoa học - công nghệ	0	thiếu
	Tin học	2	54 m ² /HS – vượt yêu cầu
	Ngoại ngữ	1	54 m ² /HS – vượt yêu cầu
	Đa chức năng	0	thiếu
Khối phòng hỗ trợ học tập	Thư viện	2	125 m ² – vượt yêu cầu
	Phòng thiết bị giáo dục	1	27 m ² – thiếu yêu cầu
	Phòng tư vấn tâm lý học đường		27 m ² – vượt yêu cầu
	Phòng Đội thiếu niên	0	25 m ² – thiếu yêu cầu

	Phòng truyền thống	1	27 m ² – thiếu yêu cầu
Khu sân sân chơi, thể dục thể thao	Sân trường	1	668 m ²
	Sân thể dục thể thao	1	668 m ²
	Nhà đa năng	0	thiếu
Khối phục vụ sinh hoạt	Nhà bếp	1	Đủ
	Kho bếp	1	Đủ
	Nhà ăn	0	thiếu
	Phòng quản lý học sinh	0	thiếu
	Phòng sinh hoạt chung	0	Thiếu
Khối phụ trợ	Phòng họp	1	128 m ² - vượt yêu cầu
	Phòng y tế học đường	1	27 m ² – vượt yêu cầu
	Nhà kho	3	50 m ² – vượt yêu cầu
	Khu để xe GV	1	125 m ² - vượt yêu cầu
	Phòng giáo viên	1	50 m ²

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu				Tổng SL theo nhu cầu tối thiểu của TT 37	Hiện có	Đối sánh với yêu cầu TH tối thiểu
TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng			
1. MÔN TIẾNG VIỆT						
A	Tranh ảnh					
I	Chủ đề 1: Tập viết					

1		Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp.	8	13	Thừa 5
2		Bộ chữ dạy tập viết	Giúp học sinh thực hành quan sát mẫu chữ để hình thành biểu tượng về chữ cái, nhận biết các nét cơ bản và quy trình viết một chữ cái trước khi thực hành luyện tập bằng nhiều hình thức khác nhau.	8	13	Thừa 5
II	Chủ đề 2: Học vần					
1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Giúp học sinh thực hành ghép vần, ghép tiếng, từ khóa, từ ngữ ứng dụng và thực hành vận dụng sáng tạo (ghép tiếng, từ mở rộng).	113	113	Đủ
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Hướng dẫn quá trình học tập âm vần mới bằng trực quan sinh động, hấp dẫn.	4	7	Thừa 3
III	Chủ đề 3: Chính tả					
1	Tên chữ cái tiếng Việt	Bảng tên chữ cái tiếng Việt	Giúp học sinh thuộc tên chữ cái tiếng Việt.	9	12	Thừa 3
B	VIDEO/ CLIP					
I	Chủ đề 1. Tập viết					
1		Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	8	0	Thiếu 8
2		Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	13	1	Thiếu 12

II		Chủ đề 2: Viết đoạn văn, bài văn				
1		Video giới thiệu, tả đồ vật	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của đồ vật phục vụ cho hoạt động nói, viết đoạn văn giới thiệu, miêu tả đồ vật.	9	1	Thiếu 8
2		Video tả con vật, cây cối	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của con vật, cây cối để nói, viết đoạn văn/ bài văn miêu tả.	5	1	Thiếu 4
3		Video tả người, tả cảnh	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của người, của phong cảnh để viết bài văn miêu tả.	5	1	Thiếu 4
2. MÔN TOÁN						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
1	Hình học	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học Toán.	23	18	Thiếu 5
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	DỤNG CỤ					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Số tự nhiên	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Giúp HS thực hành nhận biết số, đọc, viết, so sánh các số tự nhiên trong phạm vi từ 0 đến 100 (đối với lớp 1); từ 0 đến 1.000 (đối với lớp 2); từ 0 đến 100.000 (đối với lớp 3).	357	357	Đủ
1.2	Phép tính	Bộ thiết bị dạy phép tính	HS thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10, cộng trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 đối với lớp 1;	113	113	Đủ
			Giúp HS thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, cộng, trừ (không nhớ, có nhớ) trong phạm vi 1.000;	106	106	Đủ

			Phép nhân, phép chia (bảng nhân 2,5; bảng chia 2,5)	106	106	Đủ
			Giúp HS thực hành cộng, trừ (không và có nhớ) trong phạm vi 10.000/100.000, phép nhân, phép chia trong phạm vi 10.000/100.000.	138	138	Đủ
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình học	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học hình học.	15	18	Thừa 3
2.2	Khối lượng	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Giúp HS thực hành cân.	36	7	Thiếu 29
2.3	Dung tích	Bộ thiết bị dạy dung tích	Giúp HS thực hành đo dung tích.	36	11	Thiếu 25
2.4	Diện tích	Thiết bị dạy diện tích	Giúp HS thực hành đo diện tích.	30	6	Thiếu 24
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT					
3.1	Xác suất	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về khả năng xảy ra của một sự kiện (hay hiện tượng).	90	18	Thiếu 72
II	MÔ HÌNH					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Phân số	Bộ thiết bị hình học dạy phân số	GV sử dụng khi dạy học về phân số.	10	12	Thừa 2
1.2	Phân số	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về phân số.	291	291	Đủ
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	- Giúp GV dạy hình phẳng và hình khối.	23	31	Thừa 8

			- Giúp HS thực hành nhận dạng hình phẳng và hình khối, lắp ghép xếp hình.	377	377	Đủ
2.2	Mét vuông	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	GV sử dụng khi dạy về diện tích.	5	6	Thừa 1
2.3	Thời gian	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Giúp HS thực hành xem đồng hồ.	13	19	Thừa 6
III	PHẦN MỀM					
1	Hình học và đo lường	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố hình học.	23	0	Thiếu 23
2	Thống kê và xác suất	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố Thống kê và xác suất.	23	0	Thiếu 23
3. MÔN NGOẠI NGỮ						
I. Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)						
1			Phát các học liệu âm thanh.	1	0	Thiếu 1
2		Đầu đĩa	Phát học liệu hình ảnh và âm thanh cho các hoạt động nghe và nói.	1	0	Thiếu 1
3		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh, hình ảnh.	1	0	Thiếu 1
4		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	1	0	Thiếu 1
5		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	1	0	Thiếu 1
6		Bộ học liệu bằng tranh		8	0	Thiếu 8
7		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài	2	0	Thiếu 2

			kiểm tra đánh giá.			
II. Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2 - được trang bị và lắp đặt cho 01 phòng học Bộ môn Ngoại ngữ)						
1		Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh hình ảnh.	1	0	Thiếu 1
2		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	1	0	Thiếu 1
3		Bộ học liệu bằng tranh		8	0	Thiếu 8
4		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài kiểm tra đánh giá.	1	0	Thiếu 1
5		Thiết bị cho học sinh	Hỗ trợ học sinh học ngoại ngữ.	1	0	Thiếu
6		Thiết bị dạy cho giáo viên	Hỗ trợ giáo viên thực hiện dạy học ngoại ngữ.	2	0	Thiếu 2
6.1		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	1	1	Đủ
6.2		Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Kết nối thiết bị của giáo viên và học sinh. Điều khiển, tổ chức dạy học.	1	0	Thiếu 1
6.3		Phụ kiện	Dùng để cung cấp điện cho các thiết bị và kết nối tín hiệu giữa các thiết bị	1	1	Đủ
7		Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học	1	1	Đủ
8		Bàn, ghế dùng cho	Học sinh sử dụng trong quá trình học tập.	35	35	Đủ

		học sinh				
4. MÔN ĐẠO ĐỨC						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Yêu thương gia đình	Bộ tranh về Yêu thương gia đình	HS nhận biết được hành động, lời nói thể hiện tình yêu thương với mọi người trong gia đình	19	7	Thiếu 12
1.2	Quê hương em	Bộ tranh về quê hương em	HS nhận biết được một số việc làm thể hiện tình yêu quê hương em	41	12	Thiếu 29
1.3	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Bộ tranh/ảnh về Tổ quốc Việt Nam	HS nhận biết được Quốc kì, Quốc hiệu; hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc	5	6	Thừa 1
1.4	Biết ơn người lao động	Bộ tranh về Biết ơn người lao động	- HS nhận biết được đóng góp của người lao động trong một số lĩnh vực.	22	6	Thiếu 16
1.5	Biết ơn những người có công với quê hương đất nước.	Bộ tranh. Biết ơn những người có công với quê hương đất nước	HS thể hiện sự biết ơn với người có công với quê hương đất nước	5	6	Thừa 1
2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	Bộ tranh về Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.	19	0	Thiếu 19
2.2	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Bộ tranh về Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè.	18	0	Thiếu 18
2.3	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Bộ tranh về Quan tâm hàng xóm láng giềng	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp về quan tâm hàng xóm, láng giềng.	23	6	Thiếu 16
2.4	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ tranh về Cảm thông, giúp đỡ người gặp	HS nhận biết được một số hành vi, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó	22	6	Thiếu 16

		khó khăn	khăn.			
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Bộ tranh về Tự giác làm việc của mình	HS phân biệt được hành vi đúng và hành vi chưa đúng về tự giác làm việc của mình.	19	7	Thiếu 12
3.2	Quý trọng thời gian	Bộ tranh về Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	18	0	Thiếu 18
3.3	Yêu lao động	Bộ tranh về Yêu lao động	HS phân biệt được biểu hiện của yêu lao động với lười lao động.	22	6	Thiếu 16
4	Chủ đề: Trung thực					
4.1	Thật thà	Bộ tranh về Thật thà	Giáo dục đức tính thật thà.	19	7	Thiếu 12
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Bộ tranh về Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	18	0	Thiếu 18
4.3	Giữ lời hứa	Bộ tranh về Giữ lời hứa	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa.	23	6	Thiếu 17
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Bộ tranh về tôn trọng tài sản của người khác	HS phân biệt được hành vi đúng/chưa đúng trong việc tôn trọng tài sản của người khác.	22	6	Thiếu 16
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
5.1	Sinh hoạt nề nếp	Bộ tranh về Sinh hoạt nề nếp	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc học tập, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng, ngăn nắp.	19	7	Thiếu 12
5.2	Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ tranh về Thực hiện nội quy trường, lớp	HS phân biệt được hành vi thực hiện tốt/chưa tốt nội quy trường, lớp.	19	7	Thiếu 12
5.3	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bộ tranh về bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	18	0	Thiếu 18
5.4	Bảo vệ của công	Bộ tranh về bảo vệ của công	HS phân biệt được hành vi biết/chưa biết bảo vệ của công.	22	6	Thiếu 16

5.5	Bảo vệ môi trường sống	Bộ tranh về bảo vệ môi trường	HS phân biệt được hành vi bảo vệ môi trường và hành vi gây ô nhiễm môi trường.	27	6	Thiếu 21
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân					
6.1	Tự chăm sóc bản thân	Bộ tranh về tự chăm sóc bản thân	HS phân biệt được những việc nên làm/không nên làm để tự chăm sóc bản thân.	19	7	Thiếu 12
6.2	Thể hiện cảm xúc bản thân	Bộ tranh về thể hiện cảm xúc bản thân	Giáo dục kỹ năng thể hiện cảm xúc bản thân.	18	6	Thiếu 12
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Phòng tránh tai nạn, thương tích	Bộ tranh về phòng tránh tai nạn, thương tích	Giáo dục kỹ năng tự vệ.	19	7	Thiếu 12
7.2	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Bộ tranh về tìm kiếm sự hỗ trợ	Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.	18	0	Thiếu 18
7.3	Phòng tránh xâm hại	Bộ tranh về phòng tránh xâm hại	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc xâm hại trẻ em.	27	6	Thiếu 21
8	Chủ đề: Hoạt động tiêu dùng					
8.1	Quý trọng đồng tiền	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam	HS nêu được vai trò của tiền.	10	12	Thừa 2
9	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
9.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng	HS phân biệt được hành vi tuân thủ và hành vi chưa tuân thủ quy định nơi công cộng.	18	6	Thiếu 12
9.2	Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	Bộ sa bàn giao thông đường bộ	HS nêu được một số quy tắc an toàn giao thông.	5	5	Đủ
9.3	Quyền và bổn phận trẻ em	Bộ tranh về quyền trẻ em	HS nhận biết được một số quyền của trẻ em.	22	6	Thiếu 16

II	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Quê hương em	Video, clip Quê hương em	Giáo dục tình yêu quê hương.	4	1	Thiếu 3
1.2	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Video, clip Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Giáo dục tình yêu Tổ quốc.	5	0	Thiếu 3
1.3	Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	Video, clip Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	HS thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước	5	0	Thiếu 3
2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Video, clip về kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	4	1	Thiếu 3
2.2	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Video, clip về Quan tâm hàng xóm láng giềng	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện quan tâm đến hàng xóm, láng giềng	5	0	Thiếu 5
2.3	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Video, clip Tự giác làm việc của mình	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tự giác làm việc của mình.	4	0	Thiếu 4
3.2	Quý trọng thời gian	Video, clip Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	4	1	Thiếu 3
3.3	Yêu lao động	Video, clip Yêu lao động	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống thể hiện yêu lao động.	5	0	Thiếu 5

3.4	Vượt qua khó khăn	Video, clip Vượt qua khó khăn	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để vượt qua khó khăn.	5	0	Thiếu 5
4	Chủ đề: Trung thực					
4.1	Thật thà	Video, clip Thật thà	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện đức tính thật thà.	4	0	Thiếu 4
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Video, clip Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	4	1	Thiếu 3
4.3	Giữ lời hứa	Video, clip Giữ lời hứa	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thực hiện lời hứa.	5	0	Thiếu 5
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tôn trọng tài sản của người khác.	5	0	Thiếu 5
4.5	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	Video, clip Bảo vệ cái đúng, cái tốt	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ cái đúng, cái tốt.	5	0	Thiếu 5
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
5.1	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Video, clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	Giáo dục phẩm chất trách nhiệm	4	1	Thiếu 3
5.2	Bảo vệ môi trường sống	Video, clip Bảo vệ môi trường sống	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ môi trường sống.	5	0	Thiếu 5
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân					
6.1	Lập kế hoạch cá nhân	Video, clip Lập kế hoạch cá nhân	HS biết cách lập kế hoạch cá nhân trong một số tình huống cụ thể.	5	0	Thiếu 5
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Video, clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	HS biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ trong một số tình huống cụ thể.	4	1	Thiếu 3
7.2	Xử lý bất hòa với bạn bè	Video, clip Xử lý bất hòa với bạn bè	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để xử lý bất hòa với bạn bè.	5	0	Thiếu 5

7.3	Phòng tránh xâm hại	Video, clip Phòng tránh xâm hại	HS biết cách phòng tránh nguy cơ bị xâm hại.	5	0	Thiếu 5
8	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
8.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Video, clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	Giáo dục ý thức tuân thủ quy định nơi công cộng.	4	1	Thiếu 3
5. MÔN TN&XH						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề 1. Gia đình					
1.1	Các thế hệ trong gia đình	Bộ tranh các thế hệ trong gia đình	HS thực hành xây dựng sơ đồ các thế hệ trong gia đình.	41	12	Thiếu 29
1.2	Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	60	12	Thiếu 48
1.3	Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	Tranh hướng dẫn cách ứng xử khi có cháy xảy ra.	Giúp HS nhận biết các cách ứng xử khi có cháy xảy ra.	23	6	Thiếu 17
2	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
2.1	Hoạt động mua bán hàng hóa	Bộ thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp học sinh thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hóa.	4	6	Thừa 2
2.2	Một số hoạt động sản xuất	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề; Phân biệt được các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công, công nghiệp.	9	12	Thừa 3
3	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
3.1	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	19	7	Thiếu 12

		quan				
3.2	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	19	7	Thiếu 12
3.3	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	19	7	Thiếu 12
3.4	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	19	7	Thiếu 12
3.5	Cơ quan vận động	Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
3.6	Cơ quan vận động	Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
3.7	Cơ quan hô hấp	Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
3.8	Cơ quan bài tiết nước tiểu	Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
3.9	Cơ quan tiêu hóa	Các bộ phận chính của cơ quan tiêu hóa	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	23	6	Thiếu 17
3.10	Cơ quan tuần hoàn	Các bộ phận chính của cơ quan	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	23	6	Thiếu 17

		tuần hoàn				
3.11	Cơ quan thần kinh	Các bộ phận chính của cơ quan thần kinh	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	23	6	Thiếu 17
4	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
4.1	Các mùa trong năm	Bốn mùa	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
4.2	Các mùa trong năm	Mùa mưa và mùa khô	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
4.3	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Một số hiện tượng thiên tai thường gặp	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	18	6	Thiếu 12
II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT					
1	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
1.1	Hoạt động giao thông	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	37	5	Thiếu 32
2	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
2.1	Cơ quan vận động	Mô hình Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình Bộ xương người.	4	0	Thiếu 4
2.2	Cơ quan vận động	Mô hình Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình hệ cơ người.	4	0	Thiếu 4
2.3	Cơ quan hô hấp	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bản thân)	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng người.	9	0	Thiếu 9
3	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
3.1	Một số đặc điểm của Trái Đất	Quả địa cầu	HS thực hành quan sát mô hình thu nhỏ của Trái Đất	10	4	Thiếu 6
III	DỤNG CỤ					
1	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
1.1	Phương hướng	La bàn	HS thực hành xác định phương hướng bằng la bàn	5	6	Thừa 1

IV	VIDEO/CLIP					
1	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Bộ các Video/Cli p	Cung cấp cho học sinh về kiến thức và kỹ năng phòng tránh	4	1	Thiếu 3
2	Con người và sức khỏe	Bộ các Video/Cli p	Giúp học sinh tìm tòi khám phá các cơ quan trong cơ thể người	9	0	Thiếu 9
6. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I		Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam; Chỉ một số dãy núi chính, một số con sông chính, một số cao nguyên và một số mỏ khoáng sản của Việt Nam.	10	12	Thừa 2
II		Bản đồ hành chính Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và vị trí các tỉnh/thành phố Việt Nam.	10	12	Thừa 2
III		Bản đồ các nước và lãnh thổ trên thế giới	HS xác định vị trí địa lí của một số nước trên thế giới.	10	12	Thừa 2
B	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 4					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1	Thiên nhiên	Bộ tranh/ảnh: Một số dạng địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	HS mô tả một số dạng địa hình tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	22	6	Thiếu 16
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Tranh/ảnh: Đê sông Hồng	HS mô tả đê ven sông để ngăn lũ.	5	6	Thừa 1
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					

3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung	HS nhận biết các di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung.	22	6	Thiếu 16
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Hoạt động kinh tế ở vùng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.	22	6	Thiếu 16
4.2	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.	5	6	Thừa 1
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Tranh/ảnh: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	5	6	Thừa 1
II	BẢN ĐỒ/LƯỚI ĐỒ/ SƠ ĐỒ					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	6	Thừa 1
1.2		Sơ đồ quần thể khu di tích Đền Hùng	- HS biết xác định:	5	6	Thừa 1
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					

2.1		Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	6	Thửa 1
2.2	Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Sơ đồ khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	- HS biết xác định:	5	6	Thửa 1
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1		Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung	- HS xác định vị trí địa lí:	5	6	Thửa 1
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên	- HS xác định vị trí: Vùng Tây Nguyên; Các cao nguyên, con sông chính ở Tây Nguyên	5	6	Thửa 1
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Bản đồ tự nhiên vùng Nam Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	6	Thửa 1
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Video/clip : Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	HS biết một số cách khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.	5	0	Thiếu 5
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					

2.1	Sông Hồng và văn minh sông Hồng	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng	- HS biết một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip : Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung	HS biết một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung.	5	0	Thiếu 5
3.2	Cố đô Huế	Video/clip : Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế	HS biết vẻ đẹp của thiên nhiên và một số di tích lịch sử ở cố đô Huế.	5	0	Thiếu 5
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Video/clip : Lễ hội cồng chiêng	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên.	5	0	Thiếu 5
5	Chủ đề : NAM BỘ					
5.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip : Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	5	0	Thiếu 5
C	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 5					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: NHỮNG QUỐC GIA ĐÀU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					

1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Tranh/ ảnh: Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc	HS mô tả một số thành tựu luyện kim và xây thành của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.	5	6	Thừa 1
1.2	Phù Nam	Tranh/ ảnh: Hiện vật khảo cổ học của Phù Nam	HS mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.	5	6	Thừa 1
1.3	Champa	Tranh/ ảnh: Đền tháp Champa	HS mô tả một số đền tháp Champa còn lại đến ngày nay.	5	6	Thừa 1
2	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
2.1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Tranh/ảnh: Cách mạng tháng Tám năm 1945	HS biết thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở một số địa phương	5	6	Thừa 1
2.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS nhận biết một số sự kiện của chiến dịch Điện Biên Phủ	5	6	Thừa 1
2.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết một số sự kiện trong chiến dịch Hồ Chí Minh	5	6	Thừa 1
II	BẢN ĐỒ/LƯỢC ĐỒ					
1	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
1.1	Khởi nghĩa Lam Sơn và triều hậu Lê	Lược đồ chiến thắng Chi Lăng	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến thắng ở ải Chi Lăng của quân dân Đại Việt	5	6	Thừa 1
1.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	5	6	Thừa 1

1.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Lược đồ chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.	5	6	Thừa 1
2	Chủ đề: CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG					
2.1	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	Bản đồ tự nhiên Trung Quốc	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Trung Quốc.	5	6	Thừa 1
2.2	Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	Bản đồ tự nhiên nước Lào	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Lào.	5	6	Thừa 1
2.3	Vương quốc Campuchia	Bản đồ tự nhiên nước Campuchia	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Campuchia.	5	6	Thừa 1
2.4	Hiệp hội các nước Đông Nam Á	Bản đồ Hành chính - Chính trị Đông Nam Á	HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á.			
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề : NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					
1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Phim mô phỏng: Nước Văn Lang - Âu Lạc	HS biết các hoạt động kinh tế và đấu tranh bảo vệ quốc gia của người dân Văn Lang - Âu Lạc.	5	0	Thiếu 5
2	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
2.1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Phim tư liệu Cách mạng tháng Tám	HS mô tả thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.	5	0	Thiếu 5
2.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Phim tư liệu Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS biết quá trình chuẩn bị, diễn biến và	5	0	Thiếu 5

	1954		kết quả của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.			
2.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Phim tư liệu Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.	5	0	Thiếu 5
IV	MẪU VẬT/MÔ HÌNH					
1	Các châu lục và đại dương trên thế giới	Quả địa cầu tự nhiên	HS xác định được vị trí địa lí các châu lục và đại dương; Một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới.	5	4	Thiếu 1
D	HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ					
1		Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên	GV xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) điện tử, chuẩn bị các học liệu điện tử, chuẩn bị các bài tập, bài kiểm tra, đánh giá điện tử phù hợp với Chương trình.	10	0	Thiếu 10
7. MÔN TIN HỌC						
I	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC					
1		Máy chủ	Quản lý, kết nối mạng cho các máy của HS và lưu trữ các phần mềm, học liệu phục vụ dạy và học.	1	1	Đủ
2		Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	Dạy, học và thực hành	134	66	Thiếu 68
3		Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Đề kết nối mạng LAN, Internet và dạy học	1	1	Đủ

4		Bàn để máy tính, ghế ngồi				
5		Hệ thống điện	Cung cấp điện cho các máy tính và các thiết bị khác	1	1	Đủ
6		Tủ lưu trữ	Lưu trữ	1	0	Thiếu 1
7		Máy in Laser	Hỗ trợ dạy và học	1	0	Thiếu 1
8		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Hỗ trợ dạy và học	1	0	Thiếu 1
9		Điều hòa nhiệt độ/ Quạt điện	Ổn định nhiệt độ cho phòng máy và đảm bảo sức khỏe cho GV, HS			
10		Thiết bị lưu trữ ngoài	Dùng để sao lưu các dữ liệu quan trọng, phần mềm cơ bản, thiết yếu	1	0	Thiếu 1
11		Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Dùng để bảo trì và sửa chữa máy tính	1	0	Thiếu 1
12		Máy hút bụi		1	0	Thiếu 1
13		Bộ lưu điện	Lưu điện dự phòng cho máy chủ	1	1	Đủ
II	PHẦN MỀM					
1	Tất cả các chủ đề					
1.1		Hệ điều hành	Dạy và học, quản lý hoạt động máy tính	1	1	Đủ
1.2		Phần mềm tin học văn phòng	Dạy và học và phục vụ các công việc chung	1	1	Đủ
1.3		Phần mềm duyệt web	Dạy và học	1	1	Đủ
1.4		Phần mềm diệt virus	Bảo vệ hoạt động máy tính	1	1	Đủ
1.5		Các loại phần mềm ứng dụng khác	Khai thác, sử dụng phần mềm ứng dụng	1	1	Đủ

			trong quá trình dạy, học			
2	Chủ đề: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin					
2.1		Phần mềm tìm kiếm thông tin	Dạy và học	1	1	Đủ
3	Chủ đề: Ứng dụng tin học					
3.1		Phần mềm luyện tập sử dụng chuột máy tính	Dạy và học	1	1	Đủ
3.2		Phần mềm luyện tập gõ bàn phím	Dạy và học	1	1	Đủ
3.3		Phần mềm đồ họa	Dạy và học	1	1	Đủ
4	Chủ đề: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính					
4.1		Phần mềm lập trình trực quan	Dạy và học	1	1	Đủ
8. MÔN CÔNG NGHỆ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật	Giúp HS thực hành lắp ghép các mô hình kĩ thuật	40	12	Thiếu 28
2		Bộ dụng cụ thủ công	Giúp HS thực hành các nội dung thủ công	40	0	Thiếu 40
3		Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh	Giúp HS thực hành chăm sóc hoa, cây cảnh	1	1	Đủ
4		Máy thu thanh	Dùng trong thực hành máy thu thanh	10	0	Thiếu 10
5		Ti vi	Dùng trong thực hành máy thu bình	0	0	Đủ
6		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng trong minh họa, hướng dẫn thực hành Công nghệ	2	0	Thiếu 2
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	Tranh ảnh					

1	Sử dụng đèn học					
1.1		Đèn học	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của đèn học	5	6	Thừa 1
1.2		Mất an toàn khi sử dụng đèn học	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học	5	6	Thừa 1
2	Sử dụng quạt điện					
2.1		Quạt điện	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của quạt điện	5	6	Thừa 1
2.2		Mất an toàn khi sử dụng quạt điện	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện	5	6	Thừa 1
3	Sử dụng máy thu thanh					
		Mối quan hệ đài phát thanh và máy thu thanh	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh	5	6	Thừa 1
4	Sử dụng máy thu hình					
		Mối quan hệ đài truyền hình và máy thu hình (ti vi)	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài truyền hình và máy thu hình	5	6	Thừa 1
5	Trồng hoa và cây cảnh trong chậu					
		Quy trình các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	Giúp HS nhận biết được các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	5	1	Thiếu 4
6	Sử dụng tủ lạnh					

		Các khoang trong Tủ lạnh	Giúp HS nhận biết vị trí các khoang khác nhau trong tủ lạnh và cách sử dụng tủ lạnh	5	0	Thiếu 5
7	Lắp ráp mô hình máy phát điện gió					
		Mô hình máy phát điện gió	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình máy phát điện	5	0	Thiếu 5
8	Lắp ráp mô hình điện mặt trời					
		Mô hình điện mặt trời	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình điện mặt trời	5	0	Thiếu 5
II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT					
1	Sử dụng đèn học					
		Đèn học	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu dáng của một số đèn học	5	0	Thiếu 5
2	Sử dụng quạt điện					
		Quạt bàn	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu dáng một số quạt bàn	5	0	Thiếu 5
III	VIDEO/CLIP					
1	Lắp ghép mô hình kĩ thuật					
		Lắp ráp mô hình kĩ thuật	Giúp HS tìm hiểu về cách lắp ráp một số mô hình kĩ thuật	1	0	Thiếu 1
2	Vai trò của công nghệ					

		Công nghệ trong đời sống	Giúp HS tìm hiểu về công nghệ trong đời sống	1	0	Thiếu 1
3	Nhà sáng chế					
		Một số nhà sáng chế nổi tiếng	Giúp HS tìm hiểu về một số nhà sáng chế nổi tiếng	1	0	Thiếu 1
4	Tìm hiểu thiết kế					
		Các công việc chính khi thiết kế	Giúp HS tìm hiểu về một số công việc chính khi thiết kế	1	0	Thiếu 1
5	Sử dụng tủ lạnh					
		Sử dụng tủ lạnh	Giúp HS tìm hiểu về một số cách sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh	1	0	Thiếu 1
9. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Đồng hồ bấm giây	Dùng để đo thành tích, so sánh thời gian ở đơn vị nhỏ hơn giây	2	2	Đủ
2		Còi	Dùng để ra tín hiệu âm thanh trong hoạt động dạy, học	6	2	Thiếu 4
3		Thước dây	Dùng để đo khoảng cách trong hoạt động dạy, học.	2	2	Đủ
4		Cờ lệnh thể thao	Dùng để ra tín hiệu trong hoạt động dạy, học	8	0	Thiếu 8
5		Biển lật số	Dùng để ghi điểm số trong các hoạt động chơi trò chơi,	2	0	Thiếu 2

			thi đua, thi đấu tập.			
6		Nắm thể thao	Xác định các vị trí trong hoạt động dạy, học.	40	0	Thiếu 40
7		Bơm	Dùng để bơm hơi các thiết bị, dụng cụ	2	0	Thiếu 2
8		Dây nhảy cá nhân	Dùng để luyện tập, hỗ trợ thể lực, vui chơi	40	0	Thiếu 40
9		Dây nhảy tập thể		2	0	Thiếu 2
10		Dây kéo co		2	1	Thiếu 1
II	THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ					
1	Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản					
1.1		Cầu thăng bằng thấp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện các kĩ năng thăng bằng của HS.	2	0	Thiếu 2
1.2		Thảm xóp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ năng quỳ, ngồi, lăn, lộn của HS.	20	6	Thiếu 14
1.3		Thang chữ A	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ năng leo, trèo của HS.	10	6	Thiếu 4
2	Bài thể dục					
2.1		Hoa	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện Bài thể dục của HS.	70	0	Thiếu 70
2.2		Vòng		70	0	Thiếu 70
2.3		Gậy		70	0	Thiếu 70

III	THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN					
(Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)						
1	Bóng đá					
1.1		Quả bóng đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Bóng đá	40	4	Thiếu 36
1.2		Cầu môn		2	0	Thiếu 2
2	Bóng rổ					
2.1		Quả bóng rổ	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Bóng rổ	40	10	Thiếu 30
2.2		Cột, bảng bóng rổ		2	1	Thiếu 1
3	Bóng chuyền hơi					
3.1		Quả bóng	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn bóng chuyền hơi	40	2	Thiếu 38
3.2		Cột và lưới		2	0	Thiếu 2
4	Đá cầu					
4.1		Quả cầu đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Đá cầu	60	20	Thiếu 40
4.2		Cột, lưới		3	1	Thiếu 2
5	Cờ Vua					
5.1		Bàn và quân cờ	Dùng cho HS học và tập	40	7	Thiếu 33

			luyện môn Cờ vua			
5.2		Bàn và quân cờ treo tường	Dùng cho GV giảng dạy môn Cờ vua	2	0	Thiếu 2
6	Võ					
6.1		Địch đâm, đá (cầm tay)	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và luyện tập, thực hành của HS phù hợp với đặc điểm từng môn Võ thuật	20	0	Thiếu 20
6.2		Thảm xốp		20	6	Thiếu 14
7	Bơi					
7.1		Phao bơi	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Bơi.	20	0	Thiếu 20
7.2		Sào cứu hộ		2	0	Thiếu 2
7.3		Phao cứu sinh		6	0	Thiếu 6
8	Thể dục Aerobic					
8.1		Thảm xốp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS nội dung Thể dục Aerobic	20	6	Thiếu 14
8.2		Thiết bị âm thanh đa năng di động		1	1	Đủ
9	Khiêu vũ thể thao	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Khiêu vũ thể thao	1	1	Đủ
10. MÔN KHOA HỌC						
I	Tranh, ảnh					

1	Chất					
1.1	Nước	Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	HS thực hành, tìm hiểu về các thành phần và quá trình trong "Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên"	22	6	Thiếu 16
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Bộ tranh về bảo vệ mắt	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu.	22	6	Thiếu 16
2.2	Năng lượng điện	Bộ tranh an toàn về điện	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn về điện	27	6	Thiếu 21
3	Thực vật và động vật					
3.1	Nhu cầu sống của thực vật và động vật	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường	HS thực hành, tìm hiểu về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường	22	6	Thiếu 16
3.2	Sự sinh sản ở thực vật và động vật	Sơ đồ: Các bộ phận của hoa	HS thực hành, tìm hiểu về các bộ phận của hoa.	27	6	Thiếu 21
4	Con người và sức khỏe					
4.1	Dinh dưỡng ở người	Tháp dinh dưỡng	HS tìm hiểu về dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em từ 6 đến 11	5	6	Thừa 1

			tuổi.			
II	Video/clip					
1	Chất					
1.1	Nước	Xử lí nước cấp cho sinh hoạt	HS tìm hiểu về các bước cơ bản xử lí nước ngầm hoặc nước bề mặt thành nước cấp cho sinh hoạt tại các nhà máy nước.	5	0	Thiếu 5
1.2		Ô nhiễm, xói mòn đất	HS tìm hiểu về nguyên nhân, tác hại và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất.	5	0	Thiếu 5
III	Dụng cụ					
1	Chất					
1.1	Không khí	Hộp đối lưu	HS thực hiện thí nghiệm, tìm hiểu về sự di chuyển của không khí tạo thành gió	5	1	Thiếu 4
1.2	Không khí	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	HS tìm hiểu về không khí cần cho sự cháy	5	1	Thiếu 4
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	HS thực hành, tìm hiểu ánh sáng cần cho sự nhìn thấy	5	1	Thiếu 4
2.2	Điện	Bộ lắp mạch điện đơn giản	HS tìm hiểu về mạch điện; thực hành lắp mạch điện đơn giản	5	5	Đủ
2.3	Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió hoặc năng lượng nước chảy	HS tìm hiểu về sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng	5	1	Thiếu 4

			nước chảy để phát điện			
2.4	Nhiệt	Nhiệt kế	Đo nhiệt độ	5	1	Thiếu 4
2.5	Nhiệt	Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể	Đo nhiệt độ cơ thể	5	0	Thiếu 5
2.6	Nắm	Kính lúp	HS thực hành, quan sát nắm	5	1	Thiếu 4
IV	Thiết bị phòng học bộ môn					
1		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu	2	0	Thiếu 2
11. MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)						
I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu					
1		Trống nhỏ	HS luyện tập tiết tấu	10	9	Thiếu 1
2		Song loan	HS luyện tập tiết tấu	20	11	Thiếu 8
3		Thanh phách	HS luyện tập tiết tấu	70	43	Thiếu 27
4		Triangle	HS luyện tập tiết tấu	20	2	Thiếu 8
5		Tambourine	HS luyện tập tiết tấu	20	2	Thiếu 8
6		Bells Instrument	HS luyện tập tiết tấu	20	2	Thiếu 20
7		Maracas	HS luyện tập tiết tấu	20	2	Thiếu 18
8		Woodblock	HS luyện tập tiết tấu	20	2	Thiếu 18
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu					
1		Kèn phím	HS luyện tập giai điệu	20	5	Thiếu 15
2		Recorder	HS luyện tập giai điệu	40	0	Thiếu 40
3		Xylophone	HS luyện tập giai điệu	6	0	Thiếu 6
4		Handbells	HS luyện tập giai điệu theo	2	0	Thiếu 2

			nhóm			
5		Electric keyboard	GV thực hành, làm mẫu, giảng dạy	2	2	Đủ
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung					
1		Thiết bị âm thanh đa năng di động	GV và HS sử dụng khi nghe nhạc và các hoạt động âm nhạc khác	2	1	Thiếu 1
12. MÔN NGHỆ THUẬT (MỸ THUẬT)						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Bảng vẽ cá nhân	Học sinh thực hành	35	1	Thiếu 34
2		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Đặt bảng vẽ cá nhân	35	9	Thiếu 29
3		Bục đặt mẫu	- Đặt mẫu để học sinh quan sát, thực hành.	4	1	Thiếu 3
4		Các hình khối cơ bản	Học sinh quan sát và thực hành	1	1	Đủ
5		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng cho giáo viên tìm kiếm tư liệu và trình chiếu hình ảnh	1	0	Thiếu 1
6		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu, minh họa hình ảnh trực quan	1	0	Thiếu 1
7		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho một số nội dung kết hợp âm nhạc trong các hoạt động mỹ thuật	1	0	Thiếu 1
8		Kẹp giấy	Kẹp giấy vẽ cố định vào bảng vẽ	12	0	Thiếu 12
9		Tủ/giá	Bảo quản sản phẩm, đồ dùng, công cụ học tập	3	0	Thiếu 3
10		Bút lông	Học sinh thực	35	0	Thiếu 35

			hành			
11		Bảng pha màu (Palet)	Học sinh thực hành	35	0	Thiếu 35
12		Xô đựng nước	Học sinh thực hành	35	0	Thiếu 35
13		Tạp dề	Giúp HS giữ sạch trang phục trong thực hành	35	0	Thiếu 35
14		Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Học sinh thực hành	35	0	Thiếu 35
15		Đất nặn	Học sinh thực hành	6	0	Thiếu 6
16		Màu Goát (Gouache colour)	Học sinh thực hành	12	0	Thiếu 12
II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN (trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Tranh về màu sắc	HS nhận biết màu cơ bản, màu thứ cấp, gam màu nóng, gam màu lạnh	23	18	Thiếu 5
2		Bảng yếu tố và nguyên lý tạo hình	Học sinh hiểu được các yếu tố và nguyên lý tạo hình	23	18	Thiếu 5
3		Hoa văn, họa tiết dân tộc	Học sinh vận dụng hoa văn, họa tiết dân tộc vào bài thực hành	23	18	Thiếu 5
13. MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ học liệu điện tử	Giúp giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động (giáo án) điện tử, chuẩn bị bài giảng điện tử, chuẩn bị các học liệu điện tử, chuẩn bị các bài tập,	23	0	Thiếu 23

			bài kiểm tra, đánh giá điện tử phù hợp với Chương trình.			
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	TRANH ẢNH					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Giúp học sinh nhận diện các trạng thái cảm xúc cơ bản của bản thân thông qua gương mặt	68	19	Thừa 49
1.2		Bộ thẻ về “Nét riêng của em”	Giúp học sinh nhận biết được mỗi con người là duy nhất và có nét riêng biệt	23	6	Thiếu 14
1.3		Bộ thẻ về “Sở thích của em”	Giúp học sinh giới thiệu được các sở thích của bản thân, những đặc điểm riêng của mình	23	6	Thiếu 14
1.4		Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp HS thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hóa	63	18	Thiếu 45
1.5		Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em	Giúp học sinh nhận biết các công việc trong ngày của bản thân và sắp xếp các thứ tự hoạt động trong ngày.	45	12	Thiếu 33
1.6		Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm	Giúp học sinh nhận biết được thực phẩm an toàn và không an toàn	23	0	Thiếu 23

1.7		Bộ tranh về Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc	Giúp HS nhận diện được các tình huống dễ bị lạc, bắt cóc	18	0	Thiếu 18
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Bộ thẻ Gia đình em		109	31	Thiếu 78
2.2		Bộ tranh Tình bạn	Giáo dục về tình bạn	18	6	Thiếu 12
3	Hoạt động hướng nghiệp					
3.1	Hoạt động hướng nghiệp	Bộ tranh Nghề của bố mẹ em	Nhận biết và làm quen với các nghề nghiệp khác nhau	41	12	Thiếu 29
II	VIDEO/CLIP					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Video về “Không an toàn thực phẩm”	Giúp học sinh nhận biết được những nguyên nhân dẫn đến thực phẩm không an toàn	5	0	Thiếu 5
1.2		Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	Giúp HS nhận biết được nguy cơ bị xâm hại, từ đó biết được những hành động để phòng tránh xâm hại.	5	0	Thiếu 5
1.3		Video về Văn hóa Giao tiếp trên mạng	Giúp HS nhận biết được lợi ích và một số tình huống nguy hiểm tiềm ẩn khi giao tiếp trên mạng.	5	0	Thiếu 5
1.4		Video về hỏa hoạn	Giúp HS nhận biết được nguyên nhân gây hỏa hoạn, hậu quả của	5	0	Thiếu 5

			hỏa hoạn			
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng	Giúp học sinh nhận biết được những hành vi phản văn hóa nơi công cộng	5	0	Thiếu 5
3	Hoạt động hướng đến tự nhiên					
3.1		Video về Phong cảnh đẹp quê hương	Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước	14	0	Thiếu 14
3.2		Video về ô nhiễm môi trường	Giúp HS nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường	10	0	Thiếu 10
III	DỤNG CỤ					
1	Hoạt động hướng nghiệp					
1.1		Bộ dụng cụ lao động sân trường	- Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường học, bao gồm: Chổi rế loại nhỏ, ky hốt rác có cán bằng nhựa, găng tay lao động loại nhỏ phù hợp với học sinh, khẩu trang y tế loại nhỏ	5	1	Thiếu 4
			- Bộ công cụ làm vệ sinh lớp học, bao gồm: Chổi loại nhỏ, khăn lau, ky hốt rác có cán bằng nhựa, khẩu trang y tế loại nhỏ, giỏ đựng rác bằng	46	0	Thiếu 46

			nhựa có quai xách;			
			- Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường, bao gồm: xẻng, chĩa 3 bằng nhựa, bình tưới cây 4 lít bằng nhựa, kéo cắt cành.	5	1	Thiếu 4
1.2		Bộ dụng cụ lều trại	Giúp học sinh trải nghiệm với các Hoạt động ngoài trời	46	0	Thiếu 46
14. TBDH DÙNG CHUNG						
1		Bảng nhóm	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	109	29	Thiếu 80
2		Bảng phụ	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	23	12	Thiếu 11
3		Tủ/giá đựng thiết bị	Đựng thiết bị	60	18	Thiếu 42
4		Nam châm	Gắn tranh, ảnh lên bảng	460	62	Thiếu 396
5		Nẹp treo tranh	Nẹp tranh, bản đồ, lược đồ	20	0	Thiếu 20
6		Giá treo tranh	Bảo quản tranh	3	2	Thiếu 1
7		Thiết bị thu phát âm thanh	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
7.1		Đài đĩa	Dùng cho dạy học và hoạt	5	5	Đủ

			động giáo dục.			
7.2		Loa cầm tay	Dùng cho các hoạt động ngoài trời	1	1	Đủ
7.3		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	1	1	Đủ
8		Thiết bị trình chiếu	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
8.1		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)		5	2	Thiếu 3
8.2		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu	28	28	Đủ
8.3		Đầu DVD	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	5	5	Đủ
8.4		Máy chiếu vật thể	Dạy học	2	2	Đủ
9		Máy in		1	0	Thiếu 1
10		Máy ảnh (hoặc Máy quay)	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục	1	0	Thiếu 1
11		Cân	Dùng để đo khối lượng cơ thể học sinh	2	2	Đủ
12		Nhiệt kế điện tử	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể học sinh	2	2	Đủ

4) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

* Sách giáo khoa Chân trời sáng tạo lớp 1, 2, 3, 4 CTPT 2018.

* Sách giáo khoa hiện hành vẫn sử dụng cho lớp 5.

* Danh mục xuất bản phẩm tham khảo đã được các tổ khối lựa chọn để sử dụng tại trường trong năm học 2023-2024 CTPT 2018:

❖ **Lớp 1**

ST T	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NXB
1	Vở Bài tập Toán 1 (Tập 1, 2)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang	NXB GD Việt Nam
2	Vở Bài tập Tiếng Việt 1 (Tập 1, 2)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng	NXB GD Việt Nam
3	Vở bài tập Mỹ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như	NXB GD Việt Nam
4	Tiếng Anh 1 Family and Friends – National Edition (workbook)	Chủ biên : Trần Cao Bội Ngọc Tác giả : Trương Văn Ánh	NXB GD Việt Nam

❖ **Lớp 2**

ST T	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NXB
1	Vở Tập viết 2 (Tập 1, 2)	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh	NXB GD Việt Nam
2	Vở Bài tập Toán 2 (Tập 1, 2)	Trần Nam Dũng, Khúc Hành Chính (đồng Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Vở Bài tập Tiếng Việt 2 (Tập 1, 2)	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh	NXB GD Việt Nam
4	Vở bài tập Mỹ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên) Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc	NXB GD Việt Nam

		(đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	
5	Tiếng Anh 2 Family and Friends – National Edition (workbook)	Chủ biên : Trần Cao Bội Ngọc Tác giả : Trương Văn Ánh	NXB GD Việt Nam

❖ Lớp 3

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NXB
1	Vở Tập viết 3	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh	NXB GD Việt Nam
2	Vở Bài tập Toán 3 (Tập 1, 2)	Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang	NXB GD Việt Nam
3	Vở Bài tập Tiếng Việt 3, (Tập 1, 2)	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh	NXB GD Việt Nam
4	Vở bài tập Mỹ thuật 3, bản 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận	NXB GD Việt Nam
5	Tiếng Anh 3 Family and Friends – National Edition (workbook)	Chủ biên : Trần Cao Bội Ngọc Tác giả : Trương Văn Ánh	NXB GD Việt Nam

❖ Lớp 4

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NXB
1	Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tập 1, 2)	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
2	Vở bài tập Toán 4 (Tập 1, 2)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
3	Vở bài tập Mỹ thuật 4 (bản 1)	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB GD Việt Nam

4	Tiếng Anh 4 Family and Friends – National Edition (workbook)	Chủ biên : Trần Cao Bội Ngọc Tác giả : Trương Văn Ánh	NXB GD Việt Nam
---	---	--	--------------------

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Năm học 2023-2024. Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục.

Kết quả tự đánh giá: Trường Tiểu học Hàm Tử tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 với các mức tiêu chí như sau:

- Mức 1
 - + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%.
- Mức 2
 - + Số lượng tiêu chí đạt 15/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 55,6%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 12/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 44,4%.
- Mức 3
 - + Số lượng tiêu chí đạt 03/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 15,8%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 16/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 84,2%.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Kết quả đánh giá và công nhận:

Quyết định số 1253-26/QĐ-SGDĐT ngày 19/5/2022 của Giám Đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024 (Kế hoạch số 24/KH-HT ngày 14/9/2023).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 (Kế hoạch số 19/KH-HT ngày 06/9/2024).

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2021-2022 đến hết năm học 2025-2026 (tái kiểm định lần 3).

Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của nhà trường đã đạt được trong năm học 2023-2024 (Báo cáo số 40/BC-HT ngày 04 tháng 5 năm 2024):

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

❖ *Tiêu chí 1.3 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường*

+ Về chức Đảng Cộng sản Việt Nam

Chi bộ đã có kết nạp thêm 2 đảng viên mới: cô Lê Thị Thu Nguyệt và cô Phạm Thị Bích Hằng vào ngày 02/6/2024.

❖ *Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học*

Thực hiện giám sát toàn bộ hoạt động của nhà trường trên 9 camera bắt đầu từ tháng 10/2023.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

❖ *Tiêu chí 2.2 Đối với giáo viên*

+ Nâng chuẩn nghề nghiệp 01 giáo viên theo quy định mới của Luật Giáo dục 2019 (Trình độ Đại học).

❖ *Tiêu chí 2. 4 Đối với học sinh*

Các giải HS đã đạt:

+ Học tập: 6 em được khen đầu trường toán học Vioedu cấp quận.

+ Hội thi Tin học trẻ Quận 5 lần thứ 33: giải nhất. Đại diện Q5 tham gia hội thi cấp TP phần thi sản phẩm sáng tạo tin học khối tiểu học vào ngày 12/5/2024 đạt giải KK.

+ Văn nghệ: đạt giải khuyến khích bảng A Hội thi Tiếng hát Hòa Mi.

+ Hội thi TDTT: HCV, HCB, HCD Bơi lội, bóng rổ, bóng đá, võ Vovinam, võ Karate.

+ Đội: Giải KK hội thi mâm cỗ, giải KK sử ca học đường, giải nhất thi gấp máy bay giấy, giải 3 thi đấu robotcon, giải B liên hoan AEROBIC.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

❖ *Tiêu chí 3.2 Phòng học*

- 24/24 lớp đã có tivi theo đúng tiến độ.

- Giáo viên giảng dạy giáo án điện tử, học sinh hứng thú tham gia học tập.

- Trường tiếp tục bảo dưỡng, kiểm tra máy tính định kì thường xuyên mỗi tháng. Đảm bảo các nguồn điện an toàn cho giáo viên và học sinh khi sử dụng máy.

- Đường truyền wifi ổn định giúp cho việc truy cập tìm nguồn tư liệu, video phục vụ cho tiết học thuận lợi hơn.

❖ *Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp nước*

- Các dãy nhà vệ sinh đã được đầu tư, trang trí, vẽ đẹp mắt.

- Nhà vệ sinh sạch sẽ, khô thoáng, phục vụ nhu cầu giáo viên và học sinh rất tốt.

❖ *Tiêu chí 3.5: Thiết bị*

- Nhà trường đã thực hiện được thư viện mở tại sân sau trong khuôn viên trường. Học sinh đến đọc sách theo các chủ đề mà mình thích.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

❖ *Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh*

- Hoàn tất Đại hội CMHS vào cuối tháng 10. Lựa chọn được 05 PH vào BDD CMHS của trường.

- Các buổi họp thường niên, định kì, nhà trường đều báo cáo các hoạt động học tập, phong trào đến từng BDD CMHS của lớp.

- PHHS đã ủng hộ xã hội hoá công trình mái che vào cuối tháng 01/2024 và đưa vào sử dụng sau tết Nguyên đán 2024.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

❖ *Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác*

- Trường đã được sự ủng hộ của PHHS. Thời khoá biểu được sắp xếp phù hợp.

- Học sinh được học STEM và KNS do giáo viên trung tâm giảng dạy. Tài liệu giáo trình cụ thể từng khối lớp và đã được SGD phê duyệt.

Mỗi học kì trung tâm tổ chức 02 chuyên đề lớn dưới sân trường, có sự tham gia của PHHS các lớp.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh:

Đợt 1: kế hoạch số 12/KH-HT ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Đợt 2: kế hoạch số 14/KH-HT ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Năm học 2024-2025 chỉ tiêu tuyển sinh 140 em, 4 lớp. Thực hiện công tác tuyển sinh trực tuyến trong tháng 6, 7/2024. Tuyển sinh 100% trẻ trong diện PCGD tiểu học ra lớp. Công khai trên trang web và công khai tại bản tin của nhà trường danh sách học sinh trúng tuyển. đúng thời gian quy định của PGD-ĐT Quận 5.

Tổng kết công tác tuyển sinh năm học 2024-2025 như sau:

Số tuyển sinh		So với kế hoạch		Tổng số học sinh	
	Số học sinh	Tăng	Giảm	Trong quận 5	Ngoài quận

Số lớp	Được xét duyệt	Nhập học	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Phường 1	Các phường khác	Tỷ lệ	Số HS	Tỷ lệ
4	110	109	0	0	0	31	77	3	73,4%	29	26,6%

**Ghi chú: 01 HS lớp Một 1 chuyển sang trường khác quận ngay ngày đầu nhập học.*

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 (có kế hoạch đính kèm).

Kế hoạch số 21/KH-HT ngày 25 tháng 8 năm 2024 của Trường Tiểu học Hàm Tử về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024-2025.

Kế hoạch số 21/KH-HT ngày 25 tháng 8 năm 2024 của Trường Tiểu học Hàm Tử về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục tiểu học với gia đình và xã hội:

Nhà trường thực hiện Quy chế phối hợp với phụ huynh, y tế, với đoàn thể, địa phương phường 1 để thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh...

d) Các chương trình hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại trường trong năm học 2023-2024:

- Nhà trường phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giáo dục và Đào tạo MERCURY – Trung tâm Anh Ngữ Sao Thủy thực hiện việc học tiếng Anh giao tiếp với giáo viên nước ngoài cho học sinh các khối 1,2,3,4 (CTPT 2018) và khối 5 tiếng Anh tự chọn.

Số lượng tiết học: 2 tiết/tuần. Học phí: 230.000 đ/tháng

- Nhà trường phối hợp với Công ty Cổ phần Công nghệ và Đào tạo Việt Nam để triển khai chương trình hợp tác giảng dạy hoạt động trải nghiệm STEM cho học sinh.

Số lượng tiết học: 1 tiết/tuần. Học phí: 90.000 đ/tháng; 30.000 giáo cụ

- Nhà trường phối hợp với Công ty Cổ phần Công nghệ và Đào tạo Việt Nam để triển khai chương trình hợp tác giáo dục Kỹ năng sống cho học sinh. Số lượng tiết học: 1 tiết/tuần.

Số lượng tiết học: 1 tiết/tuần. Học phí: 80.000 đ/tháng

e) Thực đơn hàng ngày của học sinh:

Nhà trường hợp đồng với Công ty Dương Hiền Vinh 1 cung cấp suất ăn cho học sinh bán trú trong năm học 2023-2024 (35.000đ/1 HS/ ngày bao gồm ăn trưa và ăn xế).

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bữa ăn của học sinh, bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định. Xây dựng thực đơn hàng ngày phong phú.

Công khai thực đơn hàng tuần trên thông báo trường, group PHHS và trên hệ thống eNetViet.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a)

Stt	Nội dung	K1	K2	K3	K4	K5	Tổng
1	Kết quả tuyển sinh	113					
2	Số học sinh học 2 buổi/ngày	113	137	133	164	170	717
3	Số học sinh bình quân/lớp	28	27	27	32	34	30
4	Số học sinh nữ/lớp						
5	Số học sinh dân tộc thiểu số (Hoa, Rai, Kơ-me, Chăm, Ê-đê)	12	11	8	11	9	51
6	Số học sinh khuyết tật	2	2	2	1	1	8
7	Số học sinh chuyển đến	0	3	4	3	1	11
8	Số học sinh chuyển đi	1	11	10	5	3	30

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh

Căn cứ vào Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc Ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học cuối năm học 2023 – 2024 (Khối 1, 2, 3, 4).

Căn cứ vào Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc Ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học cuối năm học 2023 – 2024 (Khối 5).

		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Toàn trường
Sĩ số cuối năm		113	137	133	164	170	717
HTCTL H HTCTT H	<i>Số lượng</i>	106	136	131	160	170	703
	<i>Tỉ lệ</i>	93.8%	99.3%	98.5%	97.6%	100%	98%
Kiểm tra lại	<i>Số lượng</i>	7	1	2	4		14
	<i>Tỉ lệ</i>	6.2%	0.7%	1.5%	2.4%		2%
Khen thưởng HSXS K1,2,3,4	<i>Số lượng</i>	74	72	55	77		278
	<i>Tỉ lệ</i>	65.5%	52.6%	41.4%	47%		50.8%
Khen thưởng HSTB K1,2,3,4	<i>Số lượng</i>	7	21	16	32		76
	<i>Tỉ lệ</i>	6.2%	15.3%	12%	19.5%		13.9%

Khen thưởng HS HTXS K5	<i>Số lượng</i>					99	99
	<i>Tỉ lệ</i>					58.2%	58.2%
Khen thưởng HS từng mặt K5	<i>Số lượng</i>					16	16
	<i>Tỉ lệ</i>					9.4%	9.4%
Tổng số HS được khen thưởng K1,2,3,4, 5	<i>Số lượng</i>	81	93	71	109	115	469
	<i>Tỉ lệ</i>	71.7%	67.9%	53.4%	66.5%	67.6%	65.4%

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	TH Hàm Tử

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4					
			Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số				
				N ữ	Dâ n tộc	Nữ dâ n tộc	Lớp ghé p	Khuyế t tật		N ữ	Dâ n tộc	Nữ dâ n tộc	Lớp ghé p	Khuyế t tật		N ữ	Dâ n tộc	Nữ dâ n tộc	Lớp ghé p	Khuyế t tật		N ữ	Dâ n tộc	Nữ dâ n tộc	Lớp ghé p	Khuyế t tật
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	547	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		396	85	43	4	3			103	52	5	2			95	42	7	3			113	63	10	4		
Hoàn thành		138	21	10				1	33	13	2			1	36	13					48	16	3			
Chưa hoàn thành		13	7	3	1				1						2					1	3		1			1
2. Toán	547	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		415	88	44	4	3			113	52	5	2		1	83	35	4	1			131	69	12	4		
Hoàn thành		121	18	9				1	23	13	2				50	20	3	2		1	30	9	1			
Chưa hoàn thành		11	7	3	1				1												3	1	1			1
3. Đạo đức	547	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		523	104	52	4	3		1	134	64	7	2		1	123	55	7	3		1	162	79	13	4		
Hoàn thành		24	9	4	1				3	1					10						2		1			1
Chưa hoàn thành																										
4. Tự nhiên và Xã hội	383	383	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1						
Hoàn thành tốt		366	104	52	4	3		1	136	65	7	2		1	126	55	7	3								
Hoàn thành		17	9	4	1				1						7					1						

Chưa hoàn thành																									
5. Khoa học	164	164																	164	79	14	4		1	
Hoàn thành tốt		149																	149	73	12	4			
Hoàn thành		14																	14	6	1				
Chưa hoàn thành		1																	1		1			1	
6. LS&DL	164	164																	164	79	14	4		1	
Hoàn thành tốt		142																	142	71	13	4			
Hoàn thành		21																	21	8					
Chưa hoàn thành		1																	1		1			1	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	547	547	113	56	5	3	1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		545	112	55	5	3	1	136	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành		2	1	1				1																	
Chưa hoàn thành																									
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	547	547	113	56	5	3	1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		528	108	54	4	3	1	136	65	7	2		1	120	54	6	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành		19	5	2	1			1						13	1	1									
Chưa hoàn thành																									
9. Hoạt động trải nghiệm	547	547	113	56	5	3	1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		530	104	52	4	3	1	136	65	7	2		1	128	55	7	3			162	78	14	4		1
Hoàn thành		17	9	4	1			1						5					1	2	1				
Chưa hoàn thành																									
10. Giáo dục thể chất	547	547	113	56	5	3	1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành tốt		538	108	55	5	3		137	65	7	2		1	129	55	7	3			164	79	14	4		1
Hoàn thành		9	5	1			1							4					1						

Chưa hoàn thành																										
11. TH-CN (Công nghệ)	29 7	297												133	55	7	3		1	164	79	14	4		1	
Hoàn thành tốt		255												118	52	5	2			137	68	12	4			
Hoàn thành		40												15	3	2	1		1	25	11	1				
Chưa hoàn thành		2																		2		1			1	
12. TH-CN (Tin học)	54 7	297												133	55	7	3		1	164	79	14	4		1	
Hoàn thành tốt		263												116	49	7	3			147	75	12	4			
Hoàn thành		34												17	6				1	17	4	2			1	
Chưa hoàn thành																										
13. Ngoại ngữ	54 7	297												133	55	7	3		1	164	79	14	4		1	
Hoàn thành tốt		193												73	33	1				120	65	10	4			
Hoàn thành		104												60	22	6	3		1	44	14	4			1	
Chưa hoàn thành																										
14. Tiếng dân tộc																										
Hoàn thành tốt																										
Hoàn thành																										
Chưa hoàn thành																										
II. Năng lực cốt lõi																										
Năng lực chung																										
Tự chủ và tự học	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		508	101	51	4	3		1	128	60	7	2		1	125	55	7	3			154	75	13	4		
Đạt		38	12	5	1				9	5					8					1	9	4	1			1
Cần cố gắng		1																			1					
Giao tiếp và hợp tác	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		519	108	53	5	3		1	127	60	7	2		1	125	55	7	3			159	78	13	4		
Đạt		28	5	3					10	5					8					1	5	1	1			1

Cần cố gắng																										
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		494	105	52	5	3		1	123	58	6	2		1	115	52	6	2			151	75	13	4		
Đạt		53	8	4					14	7	1				18	3	1	1		1	13	4	1			1
Cần cố gắng																										
<i>Năng lực đặc thù</i>																										
<i>Ngôn ngữ</i>	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		508	105	52	4	3		1	126	59	7	2			120	51	4	1			157	77	13	4		
Đạt		38	8	4	1				11	6				1	13	4	3	2		1	6	2	1			1
Cần cố gắng		1																			1					
<i>Tính toán</i>	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		499	104	52	4	3		1	128	59	7	2		1	109	48	6	2			158	77	13	4		
Đạt		46	9	4	1				9	6					24	7	1	1		1	4	1	1			1
Cần cố gắng		2																			2	1				
<i>Tin học</i>	29 7	297													133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		279													117	49	7	3			162	78	14	4		1
Đạt		18													16	6				1	2	1				
Cần cố gắng																										
<i>Công nghệ</i>	29 7	297													133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		278													118	52	5	2			160	78	14	4		1
Đạt		19													15	3	2	1		1	4	1				
Cần cố gắng																										
<i>Khoa học</i>	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		528	104	52	4	3		1	133	63	7	2		1	129	55	7	3			162	78	14	4		1
Đạt		19	9	4	1				4	2					4					1	2	1				
Cần cố gắng																										
<i>Thẩm mĩ</i>	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		527	108	54	4	3		1	133	63	7	2		1	122	54	7	3			164	79	14	4		1

Đạt		20	5	2	1				4	2					11	1				1						
Cần cố gắng																										
Thể chất	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		539	113	56	5	3		1	133	63	7	2		1	129	55	7	3			164	79	14	4		1
Đạt		8							4	2				4					1							
Cần cố gắng																										
III. Phẩm chất chủ yếu																										
Yêu nước	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		540	113	56	5	3		1	132	63	7	2		1	132	55	7	3		1	163	79	14	4		1
Đạt		7							5	2				1						1						
Cần cố gắng																										
Nhân ái	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		537	113	56	5	3		1	132	63	7	2		1	129	55	7	3		1	163	79	14	4		1
Đạt		10							5	2				4						1						
Cần cố gắng																										
Chăm chỉ	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		513	103	52	4	3		1	128	59	7	2		1	125	55	7	3			157	78	13	4		
Đạt		34	10	4	1				9	6				8					1	7	1	1			1	
Cần cố gắng																										
Trung thực	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		529	112	56	5	3		1	132	63	7	2		1	128	54	7	3		1	157	78	13	4		
Đạt		18	1						5	2				5	1					7	1	1			1	
Cần cố gắng																										
Trách nhiệm	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Tốt		519	105	52	4	3		1	133	63	7	2		1	124	55	7	3			157	78	13	4		
Đạt		28	8	4	1				4	2				9					1	7	1	1			1	
Cần cố gắng																										
IV. Đánh giá KQGD	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1

- Hoàn thành xuất		278	74	34	4	3			72	34	4	1			55	25	1				77	43	7	2		
- Hoàn thành tốt		83	9	7					26	14	1	1			16	7					32	19	3	2		
- Hoàn thành		172	23	12			1		38	17	2			1	60	23	6	3			51	16	3			
- Chưa hoàn thành		14	7	3	1				1						2				1		4	1	1			1
V. Khen thưởng		352	81	40	4	3			91	43	5	2			71	32	1				109	62	10	4		
- Giấy khen cấp trường		352	81	40	4	3			91	43	5	2			71	32	1				109	62	10	4		
- Giấy khen cấp trên																										
VI. HSDT được trợ giảng																										
VII. HS.K.Tật		4	1				1		1					1	1					1	1		1			1
VIII. HS bỏ học kỳ II		1	1																							
+ Hoàn cảnh GĐKK																										
+ KK trong học tập																										
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																										
+ Thiên tai, dịch bệnh																										
+ Nguyên nhân khác		1	1																							
IX. Chương trình lớp học	54 7	547	113	56	5	3		1	137	65	7	2		1	133	55	7	3		1	164	79	14	4		1
Hoàn thành	53 3	533	106	53	4	3		1	136	65	7	2		1	131	55	7	3			160	78	13	4		
Chưa hoàn thành	14	14	7	3	1				1						2					1	4	1	1			1

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<i>1. Kết quả học tập</i>								
<i>1. Tiếng Việt</i>	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		139	139	80	8	4		
Hoàn thành		31	31	9	1			
Chưa hoàn thành								
<i>2. Toán</i>	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		129	129	70	7	3		
Hoàn thành		41	41	19	2	1		
Chưa hoàn thành								
<i>3. Đạo đức</i>	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		170	170	89	9	4		
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
<i>4. Khoa học</i>	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		160	160	84	8	3		
Hoàn thành		10	10	5	1	1		
Chưa hoàn thành								
<i>5. LS&ĐL</i>	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		154	154	84	8	3		
Hoàn thành		16	16	5	1	1		
Chưa hoàn thành								
<i>6. Âm nhạc</i>	170	170	170	89	9	4		

Hoàn thành tốt		170	170	89	9	4		
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
7. Mĩ thuật	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		165	165	88	9	4		
Hoàn thành		5	5	1				
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kỹ thuật	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		170	170	89	9	4		
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		170	170	89	9	4		
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		112	112	66	3	2		
Hoàn thành		58	58	23	6	2		
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành tốt		158	158	88	9	4		
Hoàn thành		12	12	1				
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc								
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								

II. Năng lực								
Tự phục vụ tự quản	170	170	170	89	9	4		
Tốt		170	170	89	9	4		
Đạt								
Cần cố gắng								
Hợp tác	170	170	170	89	9	4		
Tốt		167	167	88	9	4		
Đạt		3	3	1				
Cần cố gắng								
Tự học và giải quyết vấn đề	170	170	170	89	9	4		
Tốt		161	161	88	9	4		
Đạt		9	9	1				
Cần cố gắng								
III. Phẩm chất								
Chăm học chăm làm	170	170	170	89	9	4		
Tốt		163	163	88	9	4		
Đạt		7	7	1				
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	170	170	170	89	9	4		
Tốt		167	167	88	9	4		
Đạt		3	3	1				
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	170	170	170	89	9	4		
Tốt		170	170	89	9	4		
Đạt								
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	170	170	170	89	9	4		

Tốt		170	170	89	9	4		
Đạt								
Cần cố gắng								
IV. Khen thưởng		115	115	67	5	3		
- Giấy khen cấp trường		115	115	67	5	3		
- Giấy khen cấp trên								
V. HSDT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật								
VII. HS bỏ học kỳ II								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khẩn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	170	170	170	89	9	4		
Hoàn thành	170	170	170	89	9	4		
Chưa hoàn thành								

c) Cuối năm học 2023-2024, trường Tiểu học Hàm Tử có 717 học sinh. Cuối năm học có 703 được lên lớp, 14 học sinh kiểm tra lại trong hè các lớp 1/1, 1/3, 1/4, 2,4; 3/2, 4/3, 4/5 (kết quả có 2 học sinh được lên lớp sau kiểm tra lại).

107 học sinh lớp 1 hoàn thành chương trình lớp học.

136 học sinh lớp 2 hoàn thành chương trình lớp học.

131 học sinh lớp 3 hoàn thành chương trình lớp học.

161 học sinh lớp 4 hoàn thành chương trình lớp học.

170 học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

* 170 học sinh lớp 5 được trúng tuyển vào lớp 6 Trường Trung học cơ sở Ba Đình Quận 5.

* Hiệu suất đào tạo niên khóa 2019 – 2024: 97,7 %

3. Nhà trường không có thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình tích hợp trong năm học 2023-2024.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Tình hình tài chính của trường

I . Ngân sách

STT	Nguồn thu	Dự toán	Tổng Chi	Tồn quỹ	Ghi chú
1	Ngân sách	11.534.563.325	8.557.654.802	2.976.908.523	

Trong đó:

Thu	12-072	195.700.750	151.869.888	43.830.862	
	14-072	5.141.944.806	2.878.928.391	2.263.016.415	
Tồn năm 2023 mang sang: 13-072				670.061.246	
Thu 2024: 13-072		6.196.917.769			
Chi	13-072		5.526.856.523		
Tồn đến ngày 30/12/2024 : 13-072				670.061.246	

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu Học Hàm Tử
Mã ĐVQHNS: 1023935
Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-
SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/12/2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã ND KT	Mã CTM T, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12						151.869.888	151.869.888	151.869.888	151.869.888
Giáo dục tiểu học		072					151.869.888	151.869.888	151.869.888	151.869.888
Nhà cửa			6907				77.652.647	77.652.647	77.652.647	77.652.647
Phụ cấp làm thêm giờ			6105				12.105.399	12.105.399	12.105.399	12.105.399
Phụ cấp ưu đãi			6112				24.907.092	24.907.092	24.907.092	24.907.092
Tài sản và thiết bị văn phòng			6955				37.204.750	37.204.750	37.204.750	37.204.750
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách	13						5.526.856.523	5.526.856.523	5.526.856.523	5.526.856.523

nhệm										
Giáo dục tiểu học		072					5.526.856.523	5.526.856.523	5.526.856.523	5.526.856.523
Lương theo ngạch, bậc			6001				2.771.778.362	2.771.778.362	2.771.778.362	2.771.778.362
Phụ cấp chức vụ			6101				35.337.011	35.337.011	35.337.011	35.337.011
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				957.109.821	957.109.821	957.109.821	957.109.821
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				10.721.000	10.721.000	10.721.000	10.721.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				425.719.318	425.719.318	425.719.318	425.719.318
Thưởng thường xuyên			6201				12.960.000	12.960.000	12.960.000	12.960.000
Bảo hiểm xã hội			6301				559.626.542	559.626.542	559.626.542	559.626.542
Bảo hiểm y tế			6302				96.963.269	96.963.269	96.963.269	96.963.269
Kinh phí công đoàn			6303				58.841.476	58.841.476	58.841.476	58.841.476
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				32.321.090	32.321.090	32.321.090	32.321.090
Các khoản đóng góp khác			6349				16.160.549	16.160.549	16.160.549	16.160.549
Chi khác			6449				70.272.000	70.272.000	70.272.000	70.272.000
Tiền điện			6501				126.954.456	126.954.456	126.954.456	126.954.456
Tiền nước			6502				49.191.714	49.191.714	49.191.714	49.191.714
Văn phòng phẩm			6551				31.684.546	31.684.546	31.684.546	31.684.546
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				7.743.500	7.743.500	7.743.500	7.743.500
Thuê bao kênh vệ			6605				4.884.000			

lương										
		072								
Lương theo ngạch, bậc			6001				182.922.010	182.922.010	182.922.010	182.922.010
Phụ cấp chức vụ			6101				2.439.235	2.439.235	2.439.235	2.439.235
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				64.781.332	64.781.332	64.781.332	64.781.332
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				403.000	403.000	403.000	403.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				24.407.553	24.407.553	24.407.553	24.407.553
Bảo hiểm xã hội			6301				32.468.085	32.468.085	32.468.085	32.468.085
Bảo hiểm y tế			6302				5.565.957	5.565.957	5.565.957	5.565.957
Kinh phí công đoàn			6303				2.544.077	2.544.077	2.544.077	2.544.077
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				1.855.319	1.855.319	1.855.319	1.855.319
Các khoản đóng góp khác			6349				927.662	927.662	927.662	927.662
Chi khác			6449				2.560.614.161	2.560.614.161	2.560.614.161	2.560.614.161
Cộng:							2.878.928.391	2.878.928.391	2.878.928.391	2.878.928.391
Phần ĐVSDNS ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học

Cán bộ quản lý nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng tiến độ chung của ngành giáo dục Quận 5. Các kế hoạch đề ra đều được CBQL-GV-NV thực hiện tốt.

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đảm bảo thực hiện tốt quy chế ngành học, nội quy của đơn vị.

- Triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 lớp 1, 2, 3, 4 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện CT GDPT hiện hành đối với lớp 5.

- Đảm bảo đủ điều kiện dạy học 2 buổi/ngày, dạy đúng, đủ nội dung và thời lượng các môn học bắt buộc; chủ động lựa chọn, tổ chức, các môn học tự chọn, hoạt động củng cố, hoạt động giáo dục khác phù hợp với tình hình của đơn vị.

- Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh.

- Từng bước xây dựng trường học hạnh phúc, bước đầu đã đạt được kết quả tốt. GV.NV.HS vui vẻ khi đến trường.

- Đảm bảo VS ATTP (bản trú).

- Các chuyên đề đã thực hiện trong năm học 2023-2024:

* 08 chuyên đề trường ở các khối lớp.

* 01 chuyên đề cụm với sự tham gia của CBQL, GV K 4 của các trường HT, HMD, LVT, TBT (chuyên đề môn Khoa học)

* 05 chuyên đề mở trong tháng 12 với sự tham gia của PHHS.

* 02 chuyên đề KNS (Phòng chống xâm hại; An toàn điện – phòng chống cháy nổ).

* 02 chuyên đề Ngày hội STEM, Khoa học vui do công ty cổ phần giáo dục Rensei thực hiện (giáo dục tư duy và kỹ năng của Nhật bản)..

Ngày 22/4/2024 tuyên truyền “Luật trẻ em và bảo vệ trẻ em trong môi trường mạng” dưới sân trường.

* Rất nhiều ngày hội được tích hợp theo chủ điểm tháng, các ngày lễ được tổ chức vào giờ sinh hoạt dưới cờ

- Hoàn tất phổ cập bơi lội cho học sinh lớp 3: 75 hs được cấp nhận giấy chứng nhận (trong đó có 8 hs lớp 4 đk dự thi).

- Các chuyên đề đã thực hiện trong HKI năm học 2024-2025:

* Chuyên đề quận: 1

* Chuyên đề trường: 5

* Lớp học mở: 12 tiết.

* Chuyên đề PCCC và an toàn thực phẩm – phòng chống dịch bệnh.

3. Kết quả chi bộ, tập thể sư phạm và các hội thi, phong trào, chuyên môn

❖ Chi bộ: đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024.

Chi bộ: đã kết nạp được 02 đảng viên mới: Cô Lê Thị Thu Nguyệt và cô Phạm Thị Bích Hằng. nâng số đảng viên của chi bộ lên 11 đảng viên.

❖ Tập thể: Trường Tiểu học Hàm Tử đạt Tập thể Lao động Tiên tiến. Có 1 CBQL và 5 giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 7 chiến sĩ thi đua cơ sở.

❖ Giáo viên:

- 04 GV được giải khuyến khích hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp quận năm học 2023-2024 (Cô Như 1/3, cô Thảo 1/4, cô Liễu 2/1, cô Hằng 4/3).

- Cô Nguyễn Thị Vân đạt giải 3 – Hội thi Cải cách hành chính, chuyển đổi cấp quận.

- Ban thường vụ Quận đoàn khen thưởng “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” cô Lê Thị Thu Nguyệt 2/5 và cô Trịnh Thị Thu Lan 2/3.

❖ Học sinh:

- Đấu trường toán học VioEdu cấp quận: trường có 6 học sinh.

K1: Nguyễn Ngọc Thùy Dương 1/2; Đặng Thái Kiên 1/4

K2: Nguyễn Minh Khang 2/5

K3: Lê Trần Thanh Bảo 3/1; Huỳnh Khả Nhi 3/4

K5: Nguyễn Nam Khánh 5/1

- Hội thi Tin học trẻ Quận 5 lần thứ 33 - Bảng D khối tiểu học: Nguyễn Phúc

Ảnh lớp 3/3 đạt giải nhất. Đại diện Q5 tham gia hội thi cấp TP phần thi sản phẩm sáng tạo tin học khối tiểu học vào ngày 12/5/2024 đạt giải KK.

- Em Trần Nguyễn Bảo Trân 4/3 đạt giải khuyến khích bảng A Hội thi Tiếng hát Hòa Mi.

- Hội thi TDTT: Bơi lội: 1 HCV, 1 HCD; Võ Vovinam: 1 HCV; Kéo co: 1 HCD Giải tập thể; Bóng đá, bóng rổ: 1 HCD; Võ Karate: 1 HCB cấp TP

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Nhà trường thực hiện khá tốt ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

- Công khai trên hệ thống eNetViet, trang Facebook trường, cổng thông tin điện tử nhà trường hình ảnh các hoạt động như: tuyển sinh, đoàn thể, bài viết tuyên truyền, tin tức sự kiện...

- Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục:

- + Cổng thông tin điện tử nhà trường

- + Phần mềm cơ sở dữ liệu

- + Phần mềm cán bộ công chức

- + Phần mềm Imax, Emax...

- + Phần mềm quản lý văn bản đi đến

- + Chữ ký số, học bạ số khối 1

- + Cập nhật mã định danh cho học sinh.

- + Mã QR các bộ phận để triển khai các kế hoạch, báo cáo...

- + Lưu trữ hồ sơ chuyên môn, đề kiểm tra trên hệ thống mail nội bộ.

5. Công tác truyền thông

- Nhà trường đã tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin qua bài viết, tranh ảnh về dinh dưỡng sức khỏe, về chuyên môn, cập nhật các thông tin thiết thực đến phụ huynh cụ thể ở trang web, bản tin trường, bản tin ở lớp đúng theo chủ đề, kế hoạch trong tuần, tháng nhằm phát huy tinh thần cộng đồng trách nhiệm giữa gia đình và nhà trường (eNetViet, facebook trường Hàm Tử, facebook Liên Đội Hàm Tử, bản tin trường...).

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các bậc phụ huynh và cộng đồng để được hưởng ứng, đồng thuận, hợp tác, giúp đỡ cùng chăm lo cho học sinh phát triển toàn diện. Đầu tư điều kiện vật chất, tạo điều kiện cho học sinh học mà chơi, chơi mà học. Tuyên truyền với phụ huynh về việc phổ cập giáo dục tiểu học – hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về quyền trẻ em, luật bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em cũng như vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và toàn xã hội qua bản tin của trường, lớp, cổng thông tin của đơn vị qua các kênh liên lạc khác nhau: trực tiếp hay gián tiếp như trao đổi với phụ huynh qua giờ đón học sinh về hoặc qua zalo nhóm lớp, bản tin của trường lớp và qua cổng thông tin của

trường... Khai thác nguồn Internet, lựa chọn thông tin phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dạy con cho các bậc cha mẹ, để phụ huynh và xã hội để phụ huynh phối hợp tốt cùng nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của Trường Tiểu học Hàm Tử./.

Quận 5, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thụy Băng Tâm